

# NHỮNG THÁCH THỨC CẦN VƯỢT QUA TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỂ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC GIA

PGS.TS. Văn Tất Thu \*

**Tóm tắt:** Năng lực cạnh tranh quốc gia là năng lực cạnh tranh của nền kinh tế quốc dân, có ý nghĩa quan trọng đối với việc duy trì mức tăng trưởng cao trên cơ sở các chính sách, thể chế bền vững. Vì vậy, nó liên quan mật thiết với nền hành chính nhà nước. Bài viết đến cập đến các thách thức cần vượt qua trong cải cách hành chính nhà nước để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia nhằm phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước.

**Từ khóa:** Năng lực, cạnh tranh quốc gia, cạnh tranh toàn cầu, cải cách hành chính, hành chính nhà nước, quản trị nhà nước.

**Summary:** National competitiveness is the competitiveness of the national economy, important for maintaining high growth on the basis of sustainable policies and institutions. Therefore, it is closely related to the state administration. The article mentions challenges that need to be overcome in the state administrative reform to enhance national competitiveness for sustainable socio-economic development of the country.

**Keywords:** Competence, national competitiveness, global competition, administrative reform, state administration, governance.

## I. Năng lực cạnh tranh quốc gia

### 1. Khái niệm năng lực cạnh tranh quốc gia

Năng lực cạnh tranh quốc gia (CTQG) là tổng hợp các thể chế, chính sách và nhân tố quyết định mức độ hiệu quả và tính năng suất của một quốc gia. Một nền kinh tế có năng suất, hiệu quả là nền kinh tế có năng lực sử dụng, khai thác tốt các nguồn lực có hạn.

Báo cáo của Diễn đàn kinh tế thế giới năm 1997 đã nêu: “Năng lực cạnh tranh của một quốc gia là năng lực cạnh tranh của nền kinh tế quốc dân nhằm đạt được

và duy trì mức tăng trưởng cao trên cơ sở các chính sách, thể chế bền vững tương đối và các đặc trưng kinh tế khác. Cũng có thể hiểu năng lực CTQG là việc xây dựng một môi trường cạnh tranh kinh tế chung, đảm bảo phân bổ có hiệu quả các nguồn lực, để đạt và duy trì mức tăng trưởng cao, bền vững. Nói cách khác, năng lực CTQG là khả năng của một nước đạt được những thành quả nhanh và bền vững về mức sống, nghĩa là mức tăng trưởng kinh tế cao, xác định sự thay đổi tổng sản phẩm quốc nội trên đầu người theo thời gian”. Khái niệm năng lực cạnh tranh có nghĩa

\* Chủ nhiệm khoa Quản lý Nhà nước,  
Trường Đại học KD&CN Hà Nội.

là khả năng, năng suất sản xuất quốc gia, phụ thuộc vào hiệu quả sử dụng nguồn lực con người, tài nguyên vốn của một quốc gia, bởi vì chính năng suất xác định mức sống bền vững thể hiện qua mức lương, tỷ suất lợi nhuận từ vốn bỏ ra, tỷ suất lợi nhuận thu được từ tài nguyên thiên nhiên.

Bản chất của năng lực CTQG là năng lực vận hành nền kinh tế có hiệu quả, với chi phí hợp lý nhất, mang lại kết quả thịnh vượng và bền vững tối đa nhất. Năng lực CTQG tương quan mật thiết với môi trường kinh doanh. Hoàn thiện và đảm bảo hiệu lực, hiệu quả thực thi các quy định pháp luật cũng như các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi hoạt động kinh doanh không chỉ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng hoạt động của doanh nghiệp, mà còn thúc đẩy phân bổ, sử dụng các nguồn lực một cách minh bạch, hiệu quả, và do vậy, trực tiếp và gián tiếp nâng cao năng suất của nền kinh tế, nâng cao năng lực CTQG.

Cho đến nay, vẫn còn có sự khác biệt trong cách hiểu và luận giải khái niệm năng lực CTQG. Tuy nhiên, nhiều quan điểm thống nhất cho rằng yếu tố cốt lõi của năng lực CTQG là năng suất, cụ thể là năng suất sử dụng các nguồn lực. Năng suất là nhân tố quyết định mức sống trong dài hạn của quốc gia, là yếu tố quyết định mức thu nhập bình quân đầu người của mỗi nước. Năng suất của nguồn nhân lực quyết định hiệu quả lao động phản ánh qua tiền lương, còn năng suất sử dụng vốn quyết định lợi tức mà mỗi đồng vốn có thể mang lại cho người có vốn. Năng lực CTQG là tập hợp những nhân tố tạo nên khả năng và lợi thế cạnh tranh của đất nước, phản ánh năng lực thu hút đầu tư để đạt được sự tăng trưởng kinh tế bền vững, từ đó đảm bảo ổn định kinh tế - xã hội và nâng cao mức sống của nhân dân.

Nền kinh tế có phát triển bền vững hay không phụ thuộc nhiều vào năng lực CTQG cao hay thấp, cũng như mức độ thuận lợi hay kém thuận lợi của môi trường sản xuất, kinh doanh.

## **2. Chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia**

Chỉ số năng lực CTQG là căn cứ đo lường chất lượng, hiệu quả của các thể chế, chính sách, những nhân tố tạo thành trạng thái hiện thời và những mức giới hạn về trạng thái thịnh vượng kinh tế.

Năng lực CTQG được đánh giá theo mô hình do Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) đưa ra đầu năm 1997 dựa trên cơ sở chỉ số cạnh tranh toàn cầu (Global Competitiveness Index - GCI) được lượng hóa từ 12 chỉ tiêu trụ cột (chỉ tiêu cơ bản), chia thành ba nhóm: Nhóm 1 (các yếu tố cơ bản) gồm 4 chỉ tiêu, phản ánh các yêu cầu căn bản của một nền kinh tế, như: (1) thể chế, (2) cơ sở hạ tầng, (3) môi trường kinh tế vĩ mô, (4) y tế và giáo dục tiểu học. Nhóm 2 (các yếu tố cải thiện) gồm 10 chỉ tiêu, phản ánh nền kinh tế phát triển theo hướng chất lượng, hiệu quả, gồm: (5) giáo dục và đào tạo sau tiểu học, (6) hiệu quả thị trường hàng hóa, (7) hiệu quả thị trường lao động, (8) trình độ phát triển của thị trường tài chính; (9) sẵn sàng công nghệ và (10) quy mô thị trường. Nhóm 3 (các yếu tố sáng tạo) có 2 chỉ tiêu, phản ánh trình độ của doanh nghiệp và năng lực đổi mới sáng tạo, gồm: (11) trình độ kinh doanh, (12) năng lực đổi mới sáng tạo.

Mặc dù 12 chỉ số trụ cột được đo lường riêng biệt, nhưng trên thực tế, các trụ cột này và các chỉ số thành phần đều liên quan với nhau và tương tác, hỗ trợ cho nhau. Mỗi chỉ tiêu lại bao gồm một số chỉ tiêu chi tiết (tổng số có 111 chỉ tiêu). Các chỉ tiêu chi tiết được tính toán chuyển đổi sang thang đo từ 1-7.

GCI của Diễn đàn Kinh tế thế giới hiện được công nhận rộng rãi để đánh giá năng lực cạnh tranh của các nền kinh tế trong mối tương quan so sánh toàn cầu.

### 3. Các nhân tố, yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia

Các nhân tố, yếu tố quyết định năng lực CTQG bao gồm:

a. *Nguồn lực thiên nhiên* (đất đai và tài nguyên thiên nhiên). Theo lý thuyết kinh tế cổ điển thì lợi thế so sánh của mỗi nước dựa vào việc phát triển các ngành sử dụng những nhân tố sản xuất mà mình dư thừa. Với các nước đang phát triển, đó là nguồn lực thiên nhiên. Trong giai đoạn phát triển ban đầu, việc khai thác và sử dụng nguồn lực thiên nhiên đã đóng góp không nhỏ vào tăng trưởng kinh tế của các quốc gia này.

b. *Nguồn nhân lực* (tài nguyên nhân lực, lao động). Trong điều kiện khoa học - công nghệ phát triển, kinh tế tri thức được coi là chìa khóa cho sự phát triển, thì lao động chất lượng tốt dựa trên hao phí đào tạo hợp lý sẽ là lợi thế để phát triển và ngược lại. Điều đó được thể hiện ở năng suất, sản phẩm cận biên của lao động cũng như sự thích ứng của con người sau khi được đào tạo trước đòi hỏi của kinh tế thị trường.

Nguồn nhân lực, mà hạt nhân của nó là lao động kỹ thuật, là toàn bộ thể lực, trí lực với trình độ chuyên môn, kỹ năng mà con người tích lũy được, có khả năng đem lại thu nhập vượt trội trong tương lai. Nguồn nhân lực gồm ba loại chủ yếu quyết định sự phát triển là: (1) người lao động thể lực, (2) chuyên gia lành nghề và (3) những người có ý tưởng sáng tạo, trong đó loại (3) tạo thành nguồn nhân lực chất lượng cao. So với nguồn lực thiên nhiên hữu hạn, nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, có đặc

điểm và tính vượt trội là vô hạn, có khả năng phát triển không giới hạn. Không phải ngẫu nhiên tất cả các quốc gia phát triển đều đặc biệt quan tâm đầu tư phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, coi đây là yếu tố quyết định năng lực CTQG.

c. *Khoa học và công nghệ* là tập hợp các hoạt động có hệ thống và có sự sáng tạo với mục đích phát triển kiến thức (tri thức) liên quan đến con người, tự nhiên và xã hội, được sử dụng trong thực tiễn để tạo ra những ứng dụng mới, sản phẩm mới phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và con người. Ngày nay, khoa học và công nghệ có vai trò chủ yếu như: mở rộng khả năng sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế; thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tăng sức cạnh tranh của hàng hóa; thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường; phát triển con người. Có thể khẳng định khoa học và công nghệ là một yếu tố, một nguồn lực không thể thiếu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, là yếu tố quyết định năng suất lao động và năng lực CTQG, nhất là càng tạo ra năng lực và lợi thế CTQG trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập hiện nay.

d. *Quản trị nhà nước* (QTNN) là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước tới các quá trình kinh tế - xã hội và hành vi của công dân thông qua các hoạt động: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra, bằng các công cụ, giải pháp, biện pháp nhằm đạt được mục đích của nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế - xã hội phát triển và phục vụ người dân. QTNN giỏi đồng nghĩa với cầm quyền giỏi. Năng lực QTNN quyết định sự tồn tại và phát triển của một quốc gia, một dân tộc. Sự hưng thịnh hay suy vong của một quốc gia đều liên quan chặt chẽ đến các hoạt động QTNN. Đặc biệt,

trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế, yếu tố con người và tri thức trở thành yếu tố chủ yếu của năng lực CTQG, thì QTNN trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, là yếu tố cực kỳ quan trọng tác động mạnh mẽ đến năng lực CTQG.

## **II. Quan hệ giữa cải cách hành chính nhà nước và năng lực cạnh tranh quốc gia**

Cải cách hành chính nhà nước (CCHCNN) nhằm mục tiêu xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại theo nguyên tắc nhà nước pháp quyền để quản lý, quản trị có hiệu lực, hiệu quả công việc, nhiệm vụ của nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ đắc lực người dân, lấy người dân làm trung tâm của tiến trình cải cách; cải cách hành chính (CCHC) nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ trình độ năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. CCHCNN là để mở cửa hội nhập quốc tế, phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa kinh tế, khoa học và công nghệ. CCHC còn là nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để chuyển đổi nền hành chính nhà nước sang quản lý công, quản lý công mới và quản trị nhà nước tốt theo kinh nghiệm của các nước phát triển. Như vậy, mục tiêu của CCHCNN cũng là để đạt được các chỉ tiêu cơ bản của năng lực CTQG, vì năng lực CTQG là tổng hợp các thể chế, chính sách và nhân tố quyết định mức độ, hiệu quả, năng suất quản trị quốc gia.

Các nhiệm vụ của CCHCNN như: xây dựng hoàn thiện thể chế, nhất là thể chế kinh tế thị trường, cải cách bộ máy hành chính nhà nước làm cho nó tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng

đội ngũ cán bộ, công chức có đủ trình độ, năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước; cải cách tài chính công, hiện đại hóa nền hành chính, v.v. cũng là để đạt được các chỉ tiêu của năng lực CTQG.

Kiến tạo được năng lực CTQG sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản trị, khai thác các nguồn lực của quốc gia có hiệu quả, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất lao động xã hội, đảm bảo đời sống của người dân, của nhà nước và xã hội thịnh vượng.

CCHCNN và kiến tạo năng lực cạnh tranh quốc gia có cùng mục tiêu và nhiệm vụ. Quan hệ giữa cải CCHCNN và năng lực CTQG là quan hệ nhân quả gắn kết chặt chẽ với nhau, tác động và bổ sung cho nhau, tạo điều kiện thuận lợi để đạt các chỉ tiêu của năng lực CTQG và thực hiện thành công CCHCNN, cải cách quản lý, quản trị đất nước.

## **III. Các thách thức cần vượt qua để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia**

Các hạn chế, bất cập và nguyên nhân của chúng trong CCHC thách thức tính bền vững và liên tục của CCHC, ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực CTQG. Để khắc phục, cần phải vượt qua những thách thức chủ yếu sau:

1. *CCHC phải đồng bộ với cải cách lập pháp, cải cách tư pháp và cải cách đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam.* Để vượt qua thách thức này, cần phải xác định và thực hiện CCHC đồng bộ với cải cách lập pháp và đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta. Các mục tiêu, nhiệm vụ của cải CCHC, cải cách lập pháp đều phải hướng tới mục tiêu chung làm cho bộ máy nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, tiêu ít tiền của dân, nhưng làm được

nhieu việc cho dân. Đồng thời, phải đồng bộ với cải cách, đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta. Nhiệm vụ trọng tâm của cải cách, đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta là phải nhận thức đúng, xác định cho rõ và chính xác chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức cấu thành hệ thống chính trị trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền, nền kinh tế thị trường và mở cửa hội nhập quốc tế, trước những thách thức và cơ hội của cuộc cách mạng 4.0. Không được phép nhầm lẫn cả trong nhận thức lẫn hành động khi xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị. Cụ thể là, xác định đúng, đầy đủ vai trò và trách nhiệm lãnh đạo của đảng đối với nhà nước và xã hội; xác định cho rõ và chính xác chức năng, thẩm quyền và trách nhiệm quản lý, quản trị quốc gia và xã hội của nhà nước; xác định và thực hiện đúng và đầy đủ quyền dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân tham gia vào sự lãnh đạo của đảng, vào quản lý, quản trị quốc gia của nhà nước. Ngoài ra, cần phải thể chế hóa đúng, đầy đủ và thực hiện nghiêm túc vai trò lãnh đạo của đảng, chức năng quản lý của nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân.

2. *Phải nhận thức rõ về bản chất của CCHC*. Thực chất của CCHC là một cuộc cách mạng làm thay đổi về chất từ một nền hành chính cai trị sang một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa, tạo động lực cho kinh tế - xã hội phát triển và phục vụ đắc lực người dân, lấy người dân là trung tâm của tiến trình cải cách. CCHC thực chất là quá trình chuyển đổi từ nền hành chính công (HCNN) sang quản lý công, quản lý công mới và quản trị nhà nước tốt với mục tiêu nâng cao

hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia, tạo lợi thế cạnh tranh kinh tế - xã hội của đất nước. CCHC vừa có ý nghĩa chính trị, ý nghĩa khoa học và thực tiễn to lớn, toàn diện và sâu sắc. Để tiến hành cuộc cách mạng này, ngoài quyết tâm chính trị cao, cần phải có trí tuệ sáng suốt ở tầm chiến lược trong xác định, chỉ đạo thực hiện chủ trương, mục tiêu, các nhiệm vụ của CCHC. Mọi chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp CCHC phải được nghiên cứu, bàn bạc thấu đáo, trên cơ sở khoa học, không được chủ quan, duy ý chí, chỉ đạo thực hiện một cách quyết liệt và nhất quán. CCHC đụng chạm đến tổ chức và con người, không nên làm thí điểm, coi nó là một cuộc thí điểm. Kinh nghiệm và thực tiễn cho thấy sự thiếu hụt trí tuệ ở tầm chiến lược trong xác định và chỉ đạo điều hành thực hiện chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp CCHC là thách thức lớn tính bền vững liên tục của CCHC. Ngoài ra, CCHC còn là một sự nghiệp khoa học, muốn thành công, còn phải dựa trên cơ sở những kiến thức và kỹ năng của các chuyên ngành khoa học cơ bản liên quan đến tổ chức, hoạt động và quản lý, quản trị nền hành chính. Đó là các lĩnh vực khoa học: Quản lý (quản trị), hành chính, pháp lý, tổ chức và chính sách công. Vì tất cả các nội dung, nhiệm vụ của CCHC đều phải giải quyết trên nền tảng của các quy luật, các nguyên lý, các nguyên tắc và phương pháp của các lĩnh vực khoa học này. Đây cũng là thách thức cần phải vượt qua để thực hiện CCHC công – điều kiện tiên quyết để QTTN đạt hiệu quả cao, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế - xã hội phát triển, hội nhập quốc tế và nâng cao năng lực CTQG.

3. *Phải cải cách tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế*. Lực cản chính đối với CCHC là quyền và lợi ích của con người

và tổ chức trong bộ máy hành chính nhà nước. Cần phải có các giải pháp khắc phục lực cản này. Cải cách tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế đúng chạm đến quyền lợi và lợi ích của tổ chức và con người trong bộ máy. Không có chế độ chính sách giải quyết thỏa đáng, cải cách khó có thể thành công. Làm tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế là cuộc cách mạng trong lòng bộ máy, trong đội ngũ cán bộ, công chức. Không có chiến tuyến địch – ta, nhưng cần phải có sự hy sinh quyền và lợi ích của con người và tổ chức, thì mới thành công. Sự hy sinh này phải được đánh đổi (trả giá) bằng cơ chế chính sách tương thích mới thu được kết quả mong muốn. Nguyên nhân của mọi nguyên nhân nằm ở chỗ con người và chế độ chính sách cho con người trong bộ máy hành chính nhà nước. Cải cách hoàn thiện tổ chức bộ máy phải đồng bộ với cải cách xây dựng con người và chế độ, chính sách con người trong bộ máy. Con người là trung tâm của CCHC. Đúng chạm đến quyền và lợi ích của con người trong bộ máy là thách thức không nhỏ đối với sự bền vững và liên tục của CCHC, với năng lực CTQG. Vì vậy, cần phải có các giải pháp hợp lý, đủ mạnh để vượt qua thách thức này.

4. *Cần khắc phục tư tưởng bao cấp, cào bằng, cục bộ trong xây dựng thể chế và chính sách.* Tư tưởng này còn quá nặng nề, vẫn đang tồn tại. Thêm nữa, tác phong, lề lối làm việc bảo thủ, trì trệ cũng là thách thức không nhỏ đối với tính bền vững, liên tục của CCHC. Các tư tưởng, hạn chế này đòi hỏi cần phải được khắc phục triệt để trong tiến trình CCHCNN.

5. *Cần khắc phục sự thiếu hụt các nguồn lực đủ mạnh cho CCHCNN,* nhất là nguồn lực tập trung. Để CCHC thành công, cần phải đầu tư các nguồn lực đủ mạnh, cần phải có các giải pháp thu hút,

huy động các nguồn lực để hoàn thành. Thiếu chúng, khó có thể kỳ vọng thành công, khó có thể tạo được động lực để nâng cao năng lực CTQG.

6. *Cần phải nhận biết sự khác nhau giữa CCHC của các nước trên thế giới với CCHC ở Việt Nam.* Vì hành chính công vụ, công chức của nhiều nước trên thế giới có tính độc lập tương đối với chính trị. Ở Việt Nam, hành chính nhà nước, công vụ, công chức nhà nước phụ thuộc vào chính trị, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Do đó, khi xác định mục tiêu nhiệm vụ, giải pháp cải CCHC, cần phải chú ý đến đặc điểm này. Nếu không, CCHC cải cách hành chính khó có thể thành công. Đồng thời, khi học tập kinh nghiệm của nước ngoài, cũng phải chú ý đến đặc điểm này, nếu không sẽ thất bại.

7. Phải khắc phục mâu thuẫn ngày càng tăng giữa năng lực QTNN nói chung và năng lực quản trị các chương trình tổng thể CCHCNN bằng cách nâng cao năng lực quản trị, nhất là năng lực quản trị tổ chức thực hiện các chương trình cải cách hành chính nhà nước. Vì khâu tổ chức thực hiện trong quản trị các chương trình tổng thể CCHCNN là khâu yếu kém, hạn chế, bất cập nhất. Mặc dù các quan điểm, chủ chương, mục tiêu CCHCNN được đặt ra hoàn toàn đúng, nhưng tổ chức thực hiện thường yếu kém, thiếu kiên quyết, triệt để, thiếu các công cụ, giải pháp, phương pháp hỗ trợ đủ mạnh dẫn đến kết quả, hiệu quả đạt được không tương thích với những gì đề ra. Để vượt qua thách thức này, cần đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị các chương trình tổng thể CCHCNN từ khâu lập kế hoạch, tổ chức, phân công, phối hợp đến lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, nhất là phân công, phối hợp, lãnh đạo và

kiểm tra. Chỉ như vậy mới có thể đạt được kết quả mong muốn, nâng cao được năng lực và hiệu quả QTNN – yếu tố quyết định và ảnh hưởng trực tiếp đến nâng cao năng lực, lợi thế CTQG.

8. Cần thấy rõ sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ, cách mạng 4.0 vừa tạo ra cơ hội và các thách thức đối với CCHCNN. Để vượt qua thách thức này, cần phải tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức những kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, về cách mạng 4.0 và

ứng các thành tựu của nó để thực hiện các nhiệm vụ CCHCNN. Đồng thời, cần có các công cụ, giải pháp, biện pháp hữu hiệu đẩy nhanh hiện đại hóa nền hành chính, xây dựng chính phủ, chính quyền điện tử, tạo cơ sở vượt qua các thách thức của cách mạng 4.0 – yếu tố quyết định không nhỏ đến nâng cao năng lực CTQG.

Trên đây là những thách thức chủ yếu đối với CCHCNN cần phải vượt qua mới có thể kiến tạo và nâng cao năng lực CTQG để phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước./.

### Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước công hòa XHCN Việt nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính*. Văn kiện Hội nghị 8 BCH TƯ Khoa VII. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh*. Văn kiện Hội nghị 3 BCH TƯ Khóa VIII. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Một số vấn đề về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách nhà nước*. Nghị Quyết Hội nghị 7 BCH TƯ Khóa VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả của bộ máy nhà nước*. Văn kiện Hội nghị 5 BCH TƯ Khóa X. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.

5. TS. Văn Tất Thu (1998). *Nhận thức đúng nguyên nhân tồn tại của cải cách hành chính để có giải pháp xây dựng nhà nước trong sạch vững mạnh*. Tạp chí Quản lý nhà nước, số 2(28)/1998.

6. TS. Văn Tất Thu (2008), *Cải cách hành chính để giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cơ quan hành chính với nhân dân*. Tạp chí Mặt trận số 53/3/2008.

7. PGS.TS. Văn Tất Thu (2018). *Cải cách bộ máy hành chính nhà nước: Thực trạng và các nhiệm vụ đặt ra*. Tạp chí Quản lý nhà nước, số 5/2018.

8. PGS.TS. Văn Tất Thu (2019). *Việt Nam: 20 năm cải cách hành chính*. Tạp chí Kinh doanh và Công nghệ, số 01/2019.

Nhận: 17/11/2020

Phản biện: 15/11/2020

Đăng tạp chí: 29/11/2020